

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2014



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 3
Báo cáo của Ban đại diện Quỹ	4 - 5
Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
Báo cáo thu nhập	8 - 9
Báo cáo tình hình tài chính	10 - 11
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	12
Báo cáo danh mục đầu tư	13 - 14
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	15 - 16
Thuyết minh báo cáo tài chính	17 - 47

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 04/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 27 tháng 2 năm 2013 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 04/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 10 tháng 6 năm 2013. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 9.957.482,26 chứng chỉ với tổng giá trị là 99.574.822.600 đồng, chiếm 199,15% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, quy mô vốn của Quỹ là 71.457.802.900 đồng. Trong năm 2014, Quỹ có thực hiện phát hành thêm 29.465,38 chứng chỉ với tổng giá trị là 294.653.800 đồng và quy mô vốn là 71.752.456.700 đồng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 8 tháng 1 năm 2009.

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy phép số 20/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 6 năm 1995 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 09/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán cấp ngày 16 tháng 10 năm 2000.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV):

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hàng tuần vào ngày thứ Sáu. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVFB là hàng tuần vào ngày thứ Sáu.

Mục tiêu chính của Quỹ là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam...), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

Chiến lược đầu tư của Quỹ là năng động dựa trên cơ sở phân tích cơ bản kinh tế vĩ mô, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích cơ bản về doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục. Riêng đối với trái phiếu doanh nghiệp cần được phân tích ít nhất bằng một mô hình định mức tín nhiệm.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư của Quỹ:

- a) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi (trừ trái phiếu Chính phủ);
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về ngân hàng; trái phiếu niêm yết, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu, cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao Dịch Chứng Khoán, và chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau (trừ trái phiếu Chính phủ), trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định tại Điều lệ Quỹ;
- d) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các trái phiếu, cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- e) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- f) Không được đầu tư vào các Quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- g) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- h) Trái phiếu và các chứng khoán phái sinh đính kèm của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam (bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có kèm chứng quyền, trái phiếu chuyển đổi và các tài sản phát sinh do việc thực hiện quyền đi kèm với Trái phiếu và các loại chứng khoán phái sinh). Tỷ trọng của các loại chứng khoán này không vượt quá 30% giá trị tài sản ròng của danh mục, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

Trừ trường hợp quy định tại điểm e, f, g được nêu trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- c) Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thầu tóm các tổ chức phát hành;
- e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; và
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Chức năng của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Bội Hồng Lê	Chủ tịch	Ngày 25 tháng 6 năm 2013
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên	Ngày 25 tháng 6 năm 2013
Ông Nguyễn Kiên Cường	Thành viên	Ngày 25 tháng 6 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Thanh Tân - chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam - Công ty Quản lý Quỹ.

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả thu nhập và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và theo các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về việc ban hành Chế độ kế toán đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 về việc ban hành Quy chế thành lập và quản lý quỹ mở của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại Diện Quỹ:



Bà Nguyễn Bội Hồng Lê
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Số tham chiếu: 61070172/17283113

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam (“Quỹ”), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 8 đến trang 47, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về việc ban hành Chế độ kế toán áp dụng cho các quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 về việc ban hành Quy chế thành lập và quản lý quỹ mở của Bộ Tài chính, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Báo cáo tài chính này cũng được xác nhận bởi Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp Đồng Giám Sát Quỹ vào ngày 27 tháng 11 năm 2012 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam với tư cách là công ty quản lý quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về việc ban hành Chế độ kế toán áp dụng cho các quỹ mở và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 về việc ban hành Quy chế thành lập và quản lý quỹ mở của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Nguyễn Quốc Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO THU NHẬP
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B01-QM

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013
01	I. Thu nhập, doanh thu hoạt động đầu tư		13.776.536.592	3.874.491.269
03	1. Tiền lãi được nhận	11	6.442.369.414	4.264.102.228
04	2. Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư	12	7.823.502.795	(871.515.069)
05	3. Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	13	(489.335.617)	481.904.110
10	II. Chi phí đầu tư		741.934.511	849.612.285
11	1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	14	83.549.182	96.661.207
13	2. Chi phí lãi vay	15	658.385.329	752.951.078
20	III. Chi phí hoạt động Quỹ mở		1.673.793.036	1.109.588.875
20.1	1. Phí quản lý Quỹ		714.276.656	432.437.570
20.2	2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ		118.896.964	26.113.379
20.3	3. Phí dịch vụ giám sát		209.258.657	45.959.549
20.4	4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ		140.800.000	77.385.000
20.5	5. Phí dịch vụ Đại lý chuyên nhượng		138.606.600	198.637.302
20.6	6. Phí dịch vụ khác của nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ		40.542.794	52.054.797
20.7	7. Chi phí họp, Đại hội Quỹ		193.501.365	182.291.278
20.8	8. Chi phí kiểm toán		81.400.000	92.400.000
20.9	9. Chi phí quản lý thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước		10.000.000	-
20.10	10. Chi phí hoạt động khác		26.510.000	2.310.000
23	IV. Kết quả hoạt động đầu tư		11.360.809.045	1.915.290.109
24	V. Kết quả thu nhập khác và chi phí khác		168.000.000	9.069
24.1	1. Thu nhập khác	16	168.000.000	9.069
30	VI. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.528.809.045	1.915.299.178
31	1. Lợi nhuận đã thực hiện		12.018.144.662	1.433.395.068
32	2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(489.335.617)	481.904.110
40	VII. Chi phí thuế TNDN		-	-
41	VIII. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN		11.528.809.045	1.915.299.178

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO THU NHẬP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B01-QM

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã ký vào bản báo cáo tài chính này vào ngày 12 tháng 3 năm 2015 để xác nhận việc Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách ngân hàng giám sát của Quỹ phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp Đồng Giám Sát Quỹ vào ngày 27 tháng 11 năm 2012 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam với tư cách là công ty quản lý quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý
Quỹ đầu tư Việt Nam

Bà Đặng Vũ Hoài Diệu *leu*
Giám đốc Nghiệp vụ Chứng Khoán

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh *mc*
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Bà Phạm Trần Thu Hà
Giám đốc Dịch vụ Nhà đầu tư Việt Nam



Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

B02-QM

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
100	A. TÀI SẢN			
110	I. Tiền và tương đương tiền	4	4.820.425.548	22.439.069.777
111	1. Tiền gửi ngân hàng		220.425.548	939.069.777
112	2. Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		4.600.000.000	21.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư thuần		78.804.500.000	50.416.500.000
121	1. Các khoản đầu tư	5	78.804.500.000	50.416.500.000
130	III. Các khoản phải thu	6	1.810.065.160	723.637.937
133	1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		1.810.065.160	723.637.937
136	1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		1.810.065.160	723.637.937
100	TỔNG TÀI SẢN		85.434.990.708	73.579.207.714
300	B. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		-	22.773.640
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước		-	14.494
316	3. Chi phí phải trả	7	169.897.560	200.483.100
319	4. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	8	120.661.398	90.153.775
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		290.558.958	313.425.009
400	C. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ (C=A-B)		85.144.431.750	73.265.782.705
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	9	71.752.456.700	71.457.802.900
412	1.1 Vốn góp phát hành		126.329.795.300	126.035.141.500
413	1.2 Vốn góp mua lại		(54.577.338.600)	(54.577.338.600)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	9	(52.133.173)	(107.319.373)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	10	13.444.108.223	1.915.299.178
430	D. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		11.866,41	10.253,01

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	18	7.175.245,67	7.145.780,29

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã ký vào bản báo cáo tài chính này vào ngày 12 tháng 3 năm 2015 để xác nhận việc Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách ngân hàng giám sát của Quỹ phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp Đồng Giám Sát Quỹ vào ngày 27 tháng 11 năm 2012 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam với tư cách là công ty quản lý quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý
Quỹ đầu tư Việt Nam

Bà Đặng Vũ Hoài Diệu
Giám đốc Nghiệp vụ Chứng Khoán



Bà Phạm Trần Thu Hà
Giám đốc Dịch vụ Nhà đầu tư Việt Nam

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B03-QM

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2014	Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013
I	Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ đầu năm	73.265.782.705	-
II	Thay đổi NAV trong năm	11.528.809.045	1.915.299.178
	<i>Trong đó:</i>		
1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	11.528.809.045	1.915.299.178
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	349.840.000	71.350.483.527
	<i>Trong đó:</i>		
1	- Khoản thu từ việc phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu	-	99.574.822.600
2	- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	349.840.000	26.060.000.000
3	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	-	(54.284.339.073)
IV	NAV của Quỹ cuối năm	85.144.431.750	73.265.782.705

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã ký vào bản báo cáo tài chính này vào ngày 12 tháng 3 năm 2015 để xác nhận việc Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách ngân hàng giám sát của Quỹ phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp Đồng Giám Sát Quỹ vào ngày 27 tháng 11 năm 2012 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam với tư cách là công ty quản lý quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý
 Quỹ đầu tư Việt Nam

Bà Đặng Vũ Hoài Diệu
 Giám đốc Nghiệp vụ Chứng Khoán



Bà Phạm Trần Thu Hà
 Giám đốc Dịch vụ Nhà đầu tư Việt Nam

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
 Phó Tổng Giám đốc kiêm
 Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (%)
I	Trái phiếu	500.000		51.804.500.000	60,64%
1	TD1215133	500.000	103.609	51.804.500.000	
II	Tiền và tương đương tiền			4.820.425.548	5,64%
1	Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng			4.600.000.000	
2	Tiền gửi ngân hàng			220.425.548	
III	Chứng chỉ tiền gửi			27.000.000.000	31,60%
1	Chứng chỉ tiền gửi Công ty tài chính HDFINANCE	16	1.000.000.000	16.000.000.000	
2	Chứng chỉ tiền gửi Home Credit Việt Nam	11	1.000.000.000	11.000.000.000	
III	Các tài sản khác			1.810.065.160	2,12%
1	Phải thu lãi đầu tư trái phiếu			1.235.068.493	
2	Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi			573.666.667	
3	Phải thu lãi tiền gửi			1.330.000	
IV	Tổng giá trị danh mục			85.434.990.708	100,00%

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

B04-QM

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã ký vào bản báo cáo tài chính này vào ngày 12 tháng 3 năm 2015 để xác nhận việc Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách ngân hàng giám sát của Quỹ phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp Đồng Giám Sát Quỹ vào ngày 27 tháng 11 năm 2012 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam với tư cách là công ty quản lý quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý
Quỹ đầu tư Việt Nam

Bà Đặng Vũ Hoài Diệu
Giám đốc Nghiệp vụ Chứng Khoán



Bà Phạm Trần Thu Hà
Giám đốc Dịch vụ Nhà đầu tư Việt Nam

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B05-QM

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 06 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.528.809.045	1.915.299.178
	<i>Điều chỉnh cho các khoản tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư:</i>			
02	1.1 Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	13	489.335.617	(481.904.110)
03	1.2 Chi phí trích trước		(77.917)	290.636.875
05	2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		12.018.066.745	1.724.031.943
06	Tăng các khoản đầu tư		(28.877.335.617)	(49.934.595.890)
08	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(1.086.427.223)	(723.637.937)
12	(Giảm)/tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		(22.773.640)	22.773.640
14	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(14.494)	14.494
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(17.968.484.229)	(48.911.413.750)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	9	349.840.000	125.634.822.600
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	9	-	(54.284.339.073)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		349.840.000	71.350.483.527
40	III. (Giảm)/tăng tiền thuần trong năm		(17.618.644.229)	22.439.069.777
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		22.439.069.777	-
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	4.820.425.548	22.439.069.777
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:			
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ		220.425.548	939.069.777
60	- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		4.600.000.000	21.500.000.000
61	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		(17.618.644.229)	22.439.069.777

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B05-QM

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã ký vào bản báo cáo tài chính này vào ngày 12 tháng 3 năm 2015 để xác nhận việc Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách ngân hàng giám sát của Quỹ phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp Đồng Giám Sát Quỹ vào ngày 27 tháng 11 năm 2012 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam với tư cách là công ty quản lý quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý
Quỹ đầu tư Việt Nam

Bà Đặng Vũ Hoài Diệu
Giám đốc Nghiệp vụ Chứng Khoán

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Bà Phạm Trần Thu Hà
Giám đốc Dịch vụ Nhà đầu tư Việt Nam



Ông Trần Thành Tân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 04/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 27 tháng 2 năm 2013 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 04/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 10 tháng 6 năm 2013. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 9.957.482,26 chứng chỉ với tổng giá trị là 99.574.822.600 đồng, chiếm 199,15% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, quy mô vốn của Quỹ là 71.457.802.900 đồng. Trong năm 2014, Quỹ có thực hiện phát hành thêm 29.465,38 chứng chỉ với tổng giá trị là 294.653.800 đồng và quy mô vốn của Quỹ là 71.752.456.700 đồng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 8 tháng 1 năm 2009.

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy phép số 20/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 6 năm 1995 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 09/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 10 năm 2000.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập theo Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở do Bộ Tài chính ban hành và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh số 3.2*).

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và ngoài ra, những báo cáo này không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán được chấp nhận phổ biến ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1. *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo tình hình tài chính
2. Báo cáo thu nhập
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh các báo cáo tài chính

2.2. *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3. *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4. *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và báo cáo tài chính được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (03) tháng tại ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

3.2. *Các khoản đầu tư*

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế vào ngày giao dịch. Giá mua các khoản đầu tư không bao gồm các chi phí mua các khoản đầu tư. Chi phí mua các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư của báo cáo thu nhập ngay khi phát sinh. Các khoản đầu tư được đánh giá lại tại kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc cuối kỳ kế toán theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở và quy định tại Điều lệ Quỹ. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở. Phương pháp định giá như sau:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền trong tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời gian còn lại tới thời điểm đáo hạn dưới ba (3) tháng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch), tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận; + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
6.	Trái phiếu không niêm yết	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch) trên các hệ thống báo giá trái phiếu không niêm yết (nếu có), tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán, tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận; - Giá mua cộng lãi lũy kế; - Mệnh giá cộng lãi lũy kế.
7.	Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi	<ul style="list-style-type: none"> - Giá bình quân của ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt được chấp nhận; - Trong trường hợp không có giao dịch, giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá, thì dùng Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ hai (2) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (3) tháng tính đến ngày trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; - Mệnh giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
15.	Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh	Giá thị trường.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp được qui định của pháp luật cho phép.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Phân loại

Các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được phân loại theo các loại tài sản tài chính (cổ phiếu, trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, công cụ phái sinh,...) và theo hình thức giao dịch (giao dịch qua sàn giao dịch chứng khoán hoặc không qua sàn giao dịch chứng khoán ("OTC")). Đối với hình thức giao dịch OTC chỉ bao gồm các khoản đầu tư chuẩn bị niêm yết.

Ghi nhận

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán. Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Quyền mua cổ phiếu

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày lập báo cáo theo giá trị thị trường sau khi trừ giá cam kết mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền để mua một cổ phiếu mới.

Các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Các khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ có thể được Quỹ mang đi thế chấp trong các giao dịch bán và cam kết mua lại trái phiếu Chính phủ.

3.3 Các hợp đồng bán và mua lại

Những chứng khoán được bán và chuyển giao quyền sở hữu cho một bên khác đồng thời được cam kết sẽ mua lại và nhận lại quyền sở hữu vào một thời điểm nhất định trong tương lai với một mức giá xác định vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Thời hạn giao dịch của các hợp đồng bán và mua lại tối thiểu là hai (2) ngày và tối đa là một trăm tám mươi (180) ngày. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo thu nhập trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng. Quyền hưởng lãi và các thu nhập liên quan (nếu có) từ các chứng khoán này thuộc về bên bán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.4.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

3.4.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối niên độ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

3.4.3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch bằng ngoại tệ hoặc đánh giá lại vào thời điểm cuối năm, bao gồm chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch bằng ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện là chênh lệch phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ ở thời điểm cuối năm.

3.4.4 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong năm. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong năm, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong năm.

3.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.7 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí đầu tư của Quỹ được hạch toán theo phương pháp dự chi. Các khoản chi phí phát sinh từ việc bán các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong năm.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.9 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tại thời điểm cuối năm, tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang VNĐ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập của Quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 22% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo qui định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 và Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với phần thu nhập của nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

3.13 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng bằng VNĐ	4.600.000.000	21.500.000.000
<i>Bao gồm:</i>		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	3.200.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	1.400.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	-	21.500.000.000
Tiền gửi tại ngân hàng giám sát và lưu ký cho hoạt động của Quỹ	220.425.548	939.069.777
	<u>4.820.425.548</u>	<u>22.439.069.777</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VNĐ

	Chênh lệch do đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014			Giá trị đánh giá lại [5]=[1]+[3]-[4]
	Giá mua [1]	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý [2]	Chênh lệch tăng [3]	
Ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Trái phiếu niêm yết	51.811.931.507	51.804.500.000	-	51.804.500.000
Chứng chỉ tiền gửi	27.000.000.000	27.000.000.000	-	27.000.000.000
	78.811.931.507	78.804.500.000	-	78.804.500.000
			(7.431.507)	
			(7.431.507)	
	Chênh lệch do đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013			Giá trị đánh giá lại [5]=[1]+[3]-[4]
	Giá mua [1]	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý [2]	Chênh lệch tăng [3]	
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Trái phiếu niêm yết	49.934.595.890	50.416.500.000	481.904.110	50.416.500.000
	49.934.595.890	50.416.500.000	481.904.110	50.416.500.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		
Dự thu tiền lãi từ đầu tư trái phiếu	1.235.068.493	635.068.493
Dự thu tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	573.666.667	-
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	1.330.000	88.569.444
	<u>1.810.065.160</u>	<u>723.637.937</u>

7. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Phải trả chi phí kiểm toán	81.400.000	92.400.000
Phải trả chi phí họp, đại hội Quỹ	59.888.160	83.698.800
Phải trả chi phí thù lao Ban Đại diện Quỹ	18.000.000	13.500.000
Phải trả phí môi giới, giao dịch bán trái phiếu Chính phủ	10.609.400	10.884.300
	<u>169.897.560</u>	<u>200.483.100</u>

8. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Phải trả phí quản lý Quỹ	65.011.398	57.114.664
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	11.550.000	11.550.000
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.550.000	11.550.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát	18.480.000	6.070.158
Phải trả phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	14.070.000	3.868.953
	<u>120.661.398</u>	<u>90.153.775</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số dư tại ngày 31.12.2013	Phát sinh trong năm	Đơn vị tính: VNĐ Số dư tại ngày 31.12.2014
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	12.603.514,15	29.465,38	12.632.979,53
Giá trị ghi theo mệnh giá	126.035.141.500	294.653.800	126.329.795.300
Thặng dư vốn	(400.318.900)	55.186.200	(345.132.700)
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	125.634.822.600	349.840.000	125.984.662.600
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(5.457.733,86)	-	(5.457.733,86)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(54.577.338.600)	-	(54.577.338.600)
Thặng dư vốn	292.999.527	-	292.999.527
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(54.284.339.073)	-	(54.284.339.073)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	7.145.780,29	29.465,38	7.175.245,67
Giá trị vốn góp hiện hành	71.350.483.527	349.840.000	71.700.323.527
Lợi nhuận chưa phân phối	1.915.299.178	11.528.809.045	13.444.108.223
NAV hiện hành	73.265.782.705		85.144.431.750
NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ	10.253,01		11.866,41

10. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Đơn vị tính: VNĐ Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Lãi đầu năm	1.915.299.178	-
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	12.018.144.662	1.433.395.068
(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện trong năm	(489.335.617)	481.904.110
	13.444.108.223	1.915.299.178

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TIỀN LÃI

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm 2014</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Tiền lãi được nhận trong năm	4.632.304.254	3.540.464.291
Trái tức phát sinh trong năm đã nhận	3.552.792.329	2.250.410.959
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong năm đã nhận	1.064.729.166	1.228.843.439
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn phát sinh trong năm đã nhận	14.782.759	61.209.893
Tiền lãi dự thu đến cuối năm	1.810.065.160	723.637.937
Trái tức	1.235.068.493	635.068.493
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	573.666.667	-
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	1.330.000	88.569.444
	6.442.369.414	4.264.102.228

12. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>			<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
	<i>Tổng giá trị bán</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch</i>	<i>Lãi bán chứng khoán năm 2014</i>	<i>Lỗ bán chứng khoán giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Trái phiếu niêm yết	186.780.038.438	178.956.535.643	7.823.502.795	(871.515.069)

13. CHÊNH LỆCH (GIẢM)/TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>				
	<i>Giá trị mua theo sổ kế toán</i>	<i>Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại năm nay</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>	<i>Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán năm nay</i>
Trái phiếu niêm yết	51.811.931.507	51.804.500.000	(7.431.507)	481.904.110	(489.335.617)
Chứng chỉ tiền gửi	27.000.000.000	27.000.000.000	-	-	-
	78.811.931.507	78.804.500.000	(7.431.507)	481.904.110	(489.335.617)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn từ</i>	
	<i>ngày 10 tháng 6</i>	
	<i>năm 2013 đến</i>	
	<i>ngày 31 tháng 12</i>	
	<i>Năm 2014</i>	<i>năm 2013</i>
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	32.725.838	46.904.287
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	50.823.344	49.756.920
	83.549.182	96.661.207

14.1 Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn từ</i>	
	<i>ngày 10 tháng 6</i>	
	<i>năm 2013 đến</i>	
	<i>ngày 31 tháng 12</i>	
	<i>Năm 2014</i>	<i>năm 2013</i>
Trái phiếu	32.725.838	24.559.805
Các hợp đồng bán và cam kết mua lại	-	22.344.482
	32.725.838	46.904.287

14.2 Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn từ</i>	
	<i>ngày 10 tháng 6</i>	
	<i>năm 2013 đến</i>	
	<i>ngày 31 tháng 12</i>	
	<i>Năm 2014</i>	<i>năm 2013</i>
Các hợp đồng bán và cam kết mua lại	11.983.500	32.387.580
Trái phiếu	38.839.844	17.369.340
	50.823.344	49.756.920

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

14. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong năm kết thúc ngày 31/12/2014, giao dịch của Quỹ thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên (mã) các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong năm	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VNĐ	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VNĐ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)/(5)(%)	(7)	(8)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	224.454.516.000	498.757.801.329	45,003	0,02%	0,02%-0,03%
2	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Không liên quan	219.467.785.329	498.757.801.329	44,003	0,02%	0,02%-0,03%
3	Công ty CP Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	Không liên quan	54.835.500.000	498.757.801.329	10,994	0,02%	0,02%-0,03%
Tổng			498.757.801.329		100,00		

15. CHI PHÍ LÃI VAY

Chi phí lãi vay thể hiện chi phí mà Quỹ phải trả cho các hợp đồng bán và cam kết mua lại trái phiếu Chính phủ phát sinh trong năm.

16. THU NHẬP KHÁC

Thu nhập khác thể hiện các khoản tiền phạt hợp đồng mỗi giới mua chứng chỉ tiền gửi.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng CCQ	NAV/1CCQ		Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ
	NAV	VNĐ		NAV/1CCQ	tại ngày tính NAV	
		VNĐ			VNĐ	VNĐ
Kỳ cuối/Tháng 12	73.265.782.705		7.145.780,29	10.253,01		-
Kỳ 1/Tháng 1	73.287.534.891		7.145.780,29	10.256,05		3,04
Kỳ 2/Tháng 1	73.417.713.435		7.145.780,29	10.274,27		18,22
Kỳ 3/Tháng 1	73.508.545.443		7.145.780,29	10.286,98		12,71
Kỳ 4/Tháng 1	73.657.874.706		7.145.780,29	10.307,88		20,90
Kỳ cuối/Tháng 1	73.765.187.761		7.145.780,29	10.322,90		15,02
Kỳ 1/Tháng 2	73.819.421.803		7.145.780,29	10.330,49		7,59
Kỳ 2/Tháng 2	73.830.268.636		7.145.780,29	10.332,00		1,51
Kỳ 3/Tháng 2	74.015.786.954		7.145.780,29	10.357,97		25,97
Kỳ 4/Tháng 2	74.574.620.638		7.145.780,29	10.436,17		78,20
Kỳ 5/Tháng 2	75.182.754.852		7.145.780,29	10.521,27		85,10
Kỳ cuối/Tháng 2	75.191.855.750		7.145.780,29	10.522,55		1,28
Kỳ 1/Tháng 3	75.121.211.815		7.145.780,29	10.512,66		-9,89
Kỳ 2/Tháng 3	75.713.949.218		7.145.780,29	10.595,61		82,95
Kỳ 3/Tháng 3	75.966.276.462		7.145.780,29	10.630,92		35,31
Kỳ 4/Tháng 3	77.331.645.699		7.145.780,29	10.822,00		191,08
Kỳ cuối/Tháng 3	77.313.563.093		7.145.780,29	10.819,47		-2,53
Kỳ 1/Tháng 4	76.903.125.539		7.145.780,29	10.762,03		-57,44
Kỳ 2/Tháng 4	77.054.023.894		7.145.780,29	10.783,15		21,12
Kỳ 3/Tháng 4	76.608.939.938		7.145.780,29	10.720,86		-62,29
Kỳ 4/Tháng 4	76.941.117.449		7.146.888,41	10.765,68		44,82
Kỳ cuối/Tháng 4	76.973.972.952		7.146.888,41	10.770,27		4,59
Kỳ 1/Tháng 5	76.985.786.242		7.146.888,41	10.771,93		1,66
Kỳ 2/Tháng 5	77.010.382.213		7.146.888,41	10.775,37		3,44
Kỳ 3/Tháng 5	77.075.274.009		7.146.888,41	10.784,45		9,08
Kỳ 4/Tháng 5	76.929.689.450		7.146.888,41	10.764,08		-20,37
Kỳ 5/Tháng 5	76.922.199.516		7.146.888,41	10.763,03		-1,05

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ		Tăng/Giảm NAV/1CCQ
	VNĐ		tại ngày tính NAV	VNĐ	
Kỳ cuối/Tháng 5	76.946.217.756	7.146.888,41	10.766,39	VNĐ	3,36
Kỳ 1/Tháng 6	76.983.251.784	7.146.888,41	10.771,57		5,18
Kỳ 2/Tháng 6	77.184.962.394	7.146.888,41	10.799,79		28,22
Kỳ 3/Tháng 6	77.101.888.299	7.146.888,41	10.788,17		-11,62
Kỳ 4/Tháng 6	77.179.796.085	7.146.888,41	10.799,07		10,90
Kỳ cuối/Tháng 6	77.261.736.973	7.146.888,41	10.810,54		11,47
Kỳ 1/Tháng 7	77.566.886.345	7.146.888,41	10.853,23		42,69
Kỳ 2/Tháng 7	77.812.721.648	7.146.888,41	10.887,63		34,40
Kỳ 3/Tháng 7	78.440.387.403	7.146.888,41	10.975,45		87,82
Kỳ 4/Tháng 7	78.492.288.363	7.146.888,41	10.982,72		7,27
Kỳ cuối/Tháng 7	78.634.107.879	7.146.888,41	11.002,56		19,84
Kỳ 1/Tháng 8	79.479.765.435	7.146.888,41	11.120,89		118,33
Kỳ 2/Tháng 8	79.403.661.976	7.146.888,41	11.110,24		-10,65
Kỳ 3/Tháng 8	80.309.472.966	7.146.888,41	11.236,98		126,74
Kỳ 4/Tháng 8	80.328.590.545	7.146.888,41	11.239,65		2,67
Kỳ cuối/Tháng 8	80.375.226.108	7.146.888,41	11.246,18		6,53
Kỳ 1/Tháng 9	80.494.016.209	7.146.888,41	11.262,80		16,62
Kỳ 2/Tháng 9	81.839.324.527	7.146.888,41	11.451,04		188,24
Kỳ 3/Tháng 9	82.424.608.581	7.146.888,41	11.532,93		81,89
Kỳ 4/Tháng 9	83.684.894.870	7.146.888,41	11.709,27		176,34
Kỳ cuối/Tháng 9	83.869.406.549	7.146.888,41	11.735,09		25,82
Kỳ 1/Tháng 10	84.057.873.681	7.146.888,41	11.761,46		26,37
Kỳ 2/Tháng 10	85.642.881.765	7.146.888,41	11.983,24		221,78
Kỳ 3/Tháng 10	85.359.844.694	7.146.888,41	11.943,63		-39,61

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng CCQ	NAV/CCQ		Tăng/Giảm NAV/CCQ
	NAV VNĐ	NAV VNĐ		NAV/CCQ tại ngày tính NAV VNĐ	NAV/CCQ VNĐ	
Kỳ 4/Tháng 10	85.372.281.826		7.154.794,71	11.932,17		-11,46
Kỳ 5/Tháng 10	85.418.450.988		7.154.794,71	11.938,63		6,46
Kỳ cuối/Tháng 10	85.515.261.375		7.161.871,73	11.940,35		1,72
Kỳ 1/Tháng 11	85.587.870.607		7.161.871,73	11.950,48		10,13
Kỳ 2/Tháng 11	85.666.510.760		7.168.941,73	11.949,67		(0,81)
Kỳ 3/Tháng 11	85.749.884.007		7.168.941,73	11.961,30		11,63
Kỳ 4/Tháng 11	84.761.814.398		7.168.941,73	11.823,47		(137,83)
Kỳ cuối/Tháng 11	84.854.404.470		7.174.406,28	11.827,37		3,90
Kỳ 1/Tháng 12	84.892.425.338		7.174.406,28	11.832,67		5,30
Kỳ 2/Tháng 12	84.958.829.639		7.174.406,28	11.841,93		9,26
Kỳ 3/Tháng 12	85.022.941.675		7.175.245,67	11.849,48		7,55
Kỳ 4/Tháng 12	85.073.292.136		7.175.245,67	11.856,49		7,01
Kỳ cuối/Tháng 12	85.144.431.750		7.175.245,67	11.866,41		9,92
Giá trị tài sản ròng bình quân năm	79.315.922.376		7.151.000,64	11.091,07		

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức cao nhất

221,78

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức thấp nhất

0,82

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến 31 tháng 12 năm 2013

Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến 31 tháng 12 năm 2013

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ VNĐ
Kỳ 1/Tháng 6	99.577.400.262	9.957.482,26	10.000,25	
Kỳ 2/Tháng 6	99.572.272.237	9.957.482,26	9.999,74	(0,51)
Kỳ 3/Tháng 6	99.567.125.298	9.957.482,26	9.999,22	(0,52)
Kỳ cuối tháng 6	95.398.205.263	9.537.727,16	10.002,19	2,97
Kỳ 1/Tháng 7	95.428.134.408	9.537.727,16	10.005,33	3,14
Kỳ 2/Tháng 7	94.901.455.441	9.537.727,16	9.950,11	(55,22)
Kỳ 3/Tháng 7	91.639.944.115	9.220.432,26	9.938,79	(11,32)
Kỳ 4/Tháng 7	91.766.658.228	9.220.432,26	9.952,53	13,74
Kỳ cuối tháng 7	88.098.806.944	8.903.015,18	9.895,39	(57,14)
Kỳ 1/Tháng 8	88.116.436.000	8.903.015,18	9.897,37	1,98
Kỳ 2/Tháng 8	83.415.047.140	8.903.015,18	9.369,30	(528,07)
Kỳ 3/Tháng 8	82.681.610.782	8.816.871,07	9.377,65	8,35
Kỳ 4/Tháng 8	87.938.417.950	8.816.871,07	9.973,88	596,23
Kỳ 5/Tháng 8	84.908.655.819	8.540.012,82	9.942,45	(31,43)
Kỳ cuối tháng 8	84.968.939.626	8.540.012,82	9.949,50	7,05
Kỳ 1/Tháng 9	85.062.342.549	8.540.012,82	9.960,44	10,94
Kỳ 2/Tháng 9	85.192.940.443	8.540.012,82	9.975,73	15,29
Kỳ 3/Tháng 9	84.758.348.698	8.522.191,11	9.945,60	(30,13)
Kỳ 4/Tháng 9	80.565.197.468	8.522.191,11	9.453,57	(492,03)
Kỳ cuối tháng 9	80.458.109.268	8.504.504,81	9.460,64	7,07
Kỳ 1/Tháng 10	85.308.872.962	8.504.504,81	10.031,02	570,38
Kỳ 2/Tháng 10	85.642.859.583	8.504.504,81	10.070,29	39,27
Kỳ 3/Tháng 10	85.673.640.967	8.480.582,08	10.102,33	32,04
Kỳ 4/Tháng 10	85.880.355.549	8.480.582,08	10.126,70	24,37
Kỳ cuối tháng 10	85.804.564.862	8.460.780,18	10.141,44	14,74

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến 31 tháng 12 năm 2013

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/Giảm NAV/1CCQ VNĐ
Kỳ 1/Tháng 11	85.725.091.070	8.460.780,18	10.132,05	(9,39)
Kỳ 2/Tháng 11	85.540.759.324	8.437.017,90	10.138,74	6,69
Kỳ 3/Tháng 11	85.605.240.956	8.437.017,90	10.146,38	7,64
Kỳ 4/Tháng 11	77.158.113.321	7.593.315,62	10.161,32	14,94
Kỳ cuối tháng 11	77.095.884.768	7.593.315,62	10.153,12	(8,20)
Kỳ 1/Tháng 12	77.152.046.936	7.593.315,62	10.160,52	7,40
Kỳ 2/Tháng 12	77.279.919.768	7.593.315,62	10.177,36	16,84
Kỳ 3/Tháng 12	72.868.159.218	7.145.780,29	10.197,36	20,00
Kỳ 4/Tháng 12	73.231.605.652	7.145.780,29	10.248,23	50,87
Kỳ cuối tháng 12	73.265.782.705	7.145.780,29	10.253,01	4,78
Giá trị tài sản ròng bình quân kỳ	86.127.338.208	8.635.298,13	9.981,00	
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức cao nhất				596,23
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức thấp nhất				0,51

18. TÀI SẢN NGOẠI BẢNG

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

	Giá trị số sách	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Đến 1 năm	29.465,38	7.145.780,29
Hơn 1 năm	7.145.780,29	-
	7.175.245,67	7.145.780,29

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

19. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2014	Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,90	0,89
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,43	0,16
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,35	0,57
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán(nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,10	0,19
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,15	0,12
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%) (*)	2,11	2,29
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ(%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/ Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	248,76	221,56

(*) Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 được tính toán lại cho phù hợp với cách tính tỷ lệ này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về việc ban hành Chế độ kế toán áp dụng cho các quỹ mở của Bộ tài chính.

	Thuyết minh	Số liệu đã báo cáo	Điều chỉnh	Số liệu tính toán lại
Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	19	2,49	0,2	2,29

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

19. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Stt	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
II	Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô quỹ đầu năm		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu năm	71.457.802.900	-
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu năm	7.145.780,29	-
2	Thay đổi quy mô quỹ trong năm		
	Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu	-	9.957.482,26
	Giá trị vốn huy động từ đợt phát hành lần đầu (theo mệnh giá)	-	99.574.822.600
	Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong năm	29.465,38	2.646.031,89
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong năm (theo mệnh giá)	294.653.800	26.460.318.900
	Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong năm	-	(5.457.733,86)
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	-	(54.577.338.600)
3	Quy mô quỹ cuối năm		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm	71.752.456.700	71.457.802.900
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm	7.175.245,67	7.145.780,29
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối năm	29,09%	29,27%
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối năm	99,78%	99,81%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối năm	98,89%	99,57%
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối năm, kể cả giao dịch ký danh	18	17
8	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối năm	11.866,41	10.253,01

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

19. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT (tiếp theo)

19.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

19.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) kỳ.

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm}) * 100\%}{2 * \text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

20.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

Các phân tích độ nhạy đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.2. *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ, đồng tiền giao dịch chính của Quỹ cũng là VNĐ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có.

20.3. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

20.4. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

20.5. *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các trái phiếu Chính phủ niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ủy ban đầu tư của Quỹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

21. **THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ cũng như tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Quỹ phân loại các công cụ tài chính như sau:

Tài sản tài chính

► *Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập:*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

► *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Quỹ xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

► *Các khoản cho vay và phải thu:*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Ngân hàng xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

21. **THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)**

Tài sản tài chính (tiếp theo)

- ▶ *Các khoản cho vay và phải thu:* (tiếp theo)
- b) Các khoản được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người bán nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▶ *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc được phân loại lại là:

- a) Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- c) Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Nợ phải trả tài chính

- ▶ *Nợ phải trả tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:*

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Nợ phải trả được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết thu nhập.

- ▶ *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo thu nhập sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

21. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền		
- Tiền gửi ngân hàng	220.425.548	220.425.548
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	4.600.000.000	4.600.000.000
Các khoản đầu tư		
- Trái phiếu Chính phủ	51.804.500.000	51.804.500.000
- Chứng chỉ tiền gửi	27.000.000.000	27.000.000.000
Các khoản phải thu	1.810.065.160	1.810.065.160
Tổng cộng	85.434.990.708	85.434.990.708
Nợ tài chính phải trả		
Chi phí phải trả	169.897.560	173.467.560
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	120.661.398	117.091.398
Tổng cộng	290.558.958	290.558.958

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu chính phủ đã niêm yết được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh số 3.2*.

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

22.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

a) *Công ty Quản lý Quỹ*

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được hưởng phí quản lý quỹ. Phí quản lý được tính hàng tháng bằng 0,9% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ cho năm tài chính.

Đơn vị tính: VNĐ
 Cho năm
 tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12
 năm 2014

Phí quản lý Quỹ

714.276.656

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC
(tiếp theo)

22.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

b) Phụ cấp Ban đại diện Quỹ

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán như chi phí của Quỹ.

Đơn vị tính: VNĐ

*Cho năm
tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12
năm 2014*

Thù lao Ban Đại diện Quỹ

117.000.000

22.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giám sát là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (tối thiểu là 16.800.000 đồng mỗi tháng) và phí lưu ký là 0,03% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (tối thiểu là 10.500.000 đồng mỗi tháng).

Ngoài ra, Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cũng là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ và dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí quản trị quỹ là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (tối thiểu là 10.500.000 đồng mỗi tháng) và phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ (tối thiểu là 10.500.000 đồng mỗi tháng).

Đơn vị tính: VNĐ

*Cho năm
tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12
năm 2014*

Phí giám sát

209.258.657

Phí lưu ký

118.896.964

Phí quản trị Quỹ

140.800.000

Phí Đại lý chuyển nhượng

138.606.600

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

23. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã ký vào bản báo cáo tài chính này vào ngày 12 tháng 3 năm 2015 để xác nhận việc Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách ngân hàng giám sát của Quỹ phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp Đồng Giám Sát Quỹ vào ngày 27 tháng 11 năm 2012 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam với tư cách là công ty quản lý quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý
Quỹ đầu tư Việt Nam

Bà Đặng Vũ Hoài Diệu
Giám đốc Nghiệp vụ Chứng Khoán

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Bà Phạm Trần Thu Hà
Giám đốc Dịch vụ Nhà đầu tư Việt Nam



Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2015